

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 26/CPTPV/2025

**I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY**

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603 Hotline: 1900232353

Email: [contact@phuongvycoffee.com](mailto:contact@phuongvycoffee.com)

Mã số doanh nghiệp: 0310553942

Doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm FSSC 22000 số VN012204/1 cấp ngày 11/07/2024 bởi BUREAU VERITAS VIETNAM cho cơ sở sản xuất:

**Chi nhánh Công ty TNHH Cà phê Trà Phương Vy**

Địa chỉ: Số 12, VSIP II-A, Đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, P. Vĩnh Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: ĐẬU NÀNH HẠT RANG 1**

**2. Thành phần:** Đậu nành (98%), dầu bơ thay thế.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Quy cách đóng gói: 500 g, 1 kg, 5 kg, 15 kg, 35kg, 40kg hoặc theo yêu cầu khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng ghép phức hợp, có lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa PE hoặc bao bì PE có lớp bao giấy, bao cước hoặc thùng carton bên ngoài.

Bao bì tiếp xúc với sản phẩm đạt yêu cầu vật liệu bao bì chứa đựng thực phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:**

**Chi nhánh Công ty TNHH Cà phê Trà Phương Vy**

Địa chỉ: Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



**Tên và địa chỉ cơ sở đóng gói sản phẩm:**

**Công ty TNHH cà phê trà Phương Vy.**

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-1:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-2:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất: Theo phụ lục bảng thông tin chi tiết sản phẩm đính kèm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TÔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
(Ký tên, đóng dấu)


**CÔNG TY**  
**TNHH**  
**CÀ PHÊ TRÀ**  
**PHƯƠNG VY**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Trương Thị Mai Phương*

**Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển**

## PHỤ LỤC

### BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

 <b>Phuong Vy</b> Đam mê cà phê Việt	<b>CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY</b>	<b>NHÓM SẢN PHẨM:</b> <b>ĐẬU NÀNH</b>	SỐ TCB: 26/CPTPV/2025
		<b>ĐẬU NÀNH HẠT RANG 1</b>	<i>Có hiệu lực kể từ ngày ký</i>

#### 1. Chỉ tiêu cảm quan.

- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
- Vị: Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ
- Trạng thái: Dạng hạt.

#### 2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 5

#### 3. Chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	≤ 0.1
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	≤ 0.2

#### 4. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: Phù hợp với QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/ kg	≤ 5
2	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/ kg	≤ 2
3	Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1B2G1G2)	µg/ kg	≤ 4
4	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/ kg	≤ 750
5	Hàm lượng Zearalenone	µg/ kg	≤ 75

**5. Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng**

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Năng lượng	Kcal/ 100 g	$\geq 307.3$
2	Chất đạm	g/ 100 g	$\geq 29.68$
3	Carbohydrat	g/ 100 g	$\geq 2.78$
4	Chất béo	g/ 100 g	$\geq 16.1$
5	Natri	mg/ 100 g	$\geq 1.50$

Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2025



*Trưởng Thị Mai Phương*

**Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển**

## THÔNG TIN GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm: ĐẬU NÀNH HẠT RANG 1**

**Khối lượng tịnh: ... kg**

**Thành phần:** Đậu nành (98%), dầu bơ thay thế.

**Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trong chế biến cà phê.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Giữ kín miệng túi sau khi mở.

**Thông tin cảnh báo:** Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

**Giá trị dinh dưỡng trung bình: Trong 100 g**

Năng lượng: 439 kcal; Chất đạm: 42.4 g; Carbohydrate: 3.97 g; Chất béo: 23.0 g; Natri: 2.14 mg.

**Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY**

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Sản xuất tại Việt Nam**

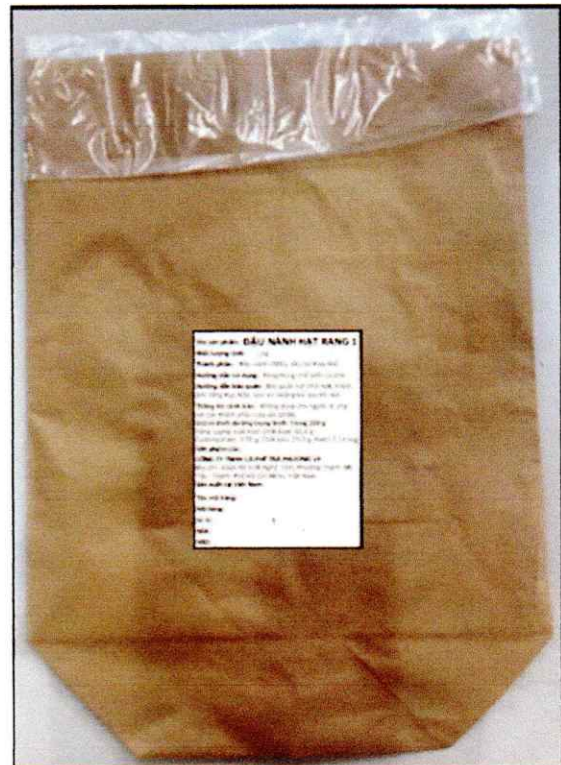
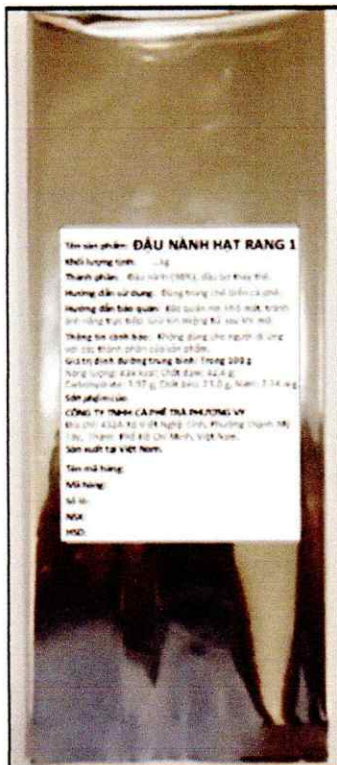
**Tên mã hàng:**

**Mã hàng:**

**Số lô:**

**NSX:**

**HSD:**



*Hình ảnh chỉ mang tính minh họa cho bao bì sản phẩm*

## TEST REPORT BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

25-318575

Revision: 00

Company/ Công ty:

PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED  
CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY  
BRANCH OF PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED  
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Address/ Địa chỉ:

Head Office: 432A Xo Viet Nghe Tinh Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.  
Văn Phòng: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Branch: No.12, VSIP II-A, Street No. 15, Vietnam Singapore Industrial Park II-A, Vinh Tan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
Chi Nhánh: Số 12, VSIP II-A, Đường Số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Report Issued: 21-Nov-2025

MNAQ Reference: 25-318575

Sample(s) Received: 15-Nov-2025

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu MNAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 15-Nov-2025 to 21-Nov-2025

### Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Đậu nành hạt rang 1

Lab ID: 25-318575-1

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in aluminum bag/ Mẫu đựng trong túi nhôm

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Deoxynivalenol (DON)	Not Detected/Không phát hiện (LOD=30)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-025: 2024 (Ref. BS EN 15891:2010)
Ochratoxin A	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.1)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-010: 2024 (Ref. AOAC 2004.10)
Zearalenone (ZEN)	Not Detected/Không phát hiện (LOD=5.0)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-026:2024 (Ref. TCVN 9591:2013; ISO 17372:2008/Amd 1: 2013)
Aflatoxin B1	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.2)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-009: 2024 (Ref. AOAC 999.07)
Aflatoxin tổng số/ Total of Aflatoxin content	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.2)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-009: 2024 (Ref. AOAC 999.07)
Chi/ Lead (Pb)	0.012	mg/kg	AOAC 2013.06
Cadimi/ Cadmium (Cd)	<LOQ=0.01	mg/kg	AOAC 2013.06

LOD/ GHPH: Limit of Detection/ Giới hạn phát hiện  
LOQ/ GHDL: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng  
ND/ KPH: Not Detected/ Không phát hiện

<sup>1</sup> Subcontracted test/ Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ  
<sup>2</sup> ISO 17025 not accredited/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025  
Information provided by clients: company, address, samples names/  
Thông tin do khách hàng cung cấp: công ty, địa chỉ, tên mẫu

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without prior written permission of the MNAQ company/  
Không được trích sao một phần báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty MNAQ.

If there are questions or concerns on this report, please contact:  
Khi khách hàng cần thêm thông tin về kết quả, xin vui lòng liên hệ:  
Customer Service/ Bộ phận chăm sóc khách hàng:  
Tel: (84-292) 3.888.678 - 3.734.476  
Email: customerservices\_vietnam@mxnsaq.com

Report No./ Số báo cáo: 25-318575

Photo of the submitted sample (if any)/ Hình ảnh mẫu phân tích (nếu có)



Remark/ Ghi chú: Nil/ Không



GENERAL DIRECTOR  
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIỆP



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

#### CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ chi nhánh: Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : GU5K2511140268

Mã số mẫu : 743-2025-00224150

Mã số Eol : 005-32410-595927  
 Tên mẫu : Đậu nành hạt rang 1  
 Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhôm  
 Ngày nhận mẫu : 14/11/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/11/2025  
 Thời gian thử nghiệm : 17/11/2025 - 24/11/2025



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	23.5
2	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	23.0
3	VDS54 VD (a) Chất đạm (Nx5.71)	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	42.4
4	VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	3.97
5	VD9T0 VD (m) Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	439
6	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	0.63
7	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497	6.52
8	VD6ZP VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	2.14

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/11/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/11/2025.



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ...) không được công bố nằm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.





Biểu thành phần dinh dưỡng (Thị trường Việt Nam)/ Nutrition Label (Vietnamese market)

Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2025-00224150

Mã số kết quả Analytical Report Nr.: AR-25-VD-228274-01 / EUVNHC-00382678

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	439	kcal	22%
Chất đạm	42.4	g	85%
Carbohydrat	3.97	g	1%
Chất béo	23.0	g	41%
Natri	2.14	mg	0%

*% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.*

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.